

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN XÂY DỰNG
VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Tháng 03, năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trương Hữu Chí	Chủ tịch
Ông Trần Duy Hậu	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Hiến	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Hồ Việt	Thành viên
Bà Trương Thị Mai Lương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đình Lân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Dương Thị Hà Bích.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Việt Hồng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Số: 2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
của Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 14/03/2012, được trình bày từ trang 4 đến trang 23 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Tại ngày 31/12/2011, tổng số dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa được trích lập bổ sung của Công ty theo qui định là 4,9 tỷ đồng

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu đã phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định kế toán có liên quan tại Việt Nam.

Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.760.474.152	167.183.828.092
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	3.538.276.814	26.540.875.279
1. Tiền	111		1.838.276.814	8.040.875.279
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	18.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	220.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		500.000.000	220.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.751.829.904	80.037.307.327
1. Phải thu khách hàng	131		58.859.463.823	74.708.916.508
2. Trả trước cho người bán	132		2.520.552.569	11.663.097.937
5. Các khoản phải thu khác	135	8	846.782.213	716.273.449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	9	(8.474.968.701)	(7.050.980.567)
IV. Hàng tồn kho	140	10	49.923.902.383	57.699.902.000
1. Hàng tồn kho	141		49.973.311.383	57.699.902.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.409.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.046.465.051	2.685.743.486
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.506.494	69.452.127
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.370.857.385	1.609.484.807
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		12.411.782	308.568.329
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	613.689.390	698.238.223
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		265.557.513.075	34.595.228.541
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		17.179.045.263	5.101.693.611
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	12	20.472.895.263	8.395.543.611
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(3.293.850.000)	(3.293.850.000)
II. Tài sản cố định	220		217.384.615.190	12.390.222.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	20.751.084.114	8.154.140.696
- Nguyên giá	222		38.826.197.249	24.935.803.379
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.075.113.135)	(16.781.662.683)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	179.860.098
- Nguyên giá	228		3.398.068.098	3.398.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.398.068.098)	(3.218.208.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	196.633.531.076	4.056.221.274
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	16	25.963.246.935	12.392.108.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10.897.138.935	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		15.066.108.000	12.392.108.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.030.605.687	4.711.204.862
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	4.879.548.915	4.607.321.021
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		151.056.772	103.883.841
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		375.317.987.227	201.779.056.633

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2011

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	31/12/2011	01/01/2011
	số	minh	VND	VND
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		277.010.134.509	109.397.093.002
I. Nợ ngắn hạn	310		96.396.927.958	108.406.830.560
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	21.737.159.851	12.679.519.786
2. Phải trả người bán	312		38.990.374.811	39.973.475.607
3. Người mua trả tiền trước	313		11.316.391.131	35.281.543.699
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	3.054.532.198	2.147.474.077
5. Phải trả người lao động	315		53.452.486	76.929.941
6. Chi phí phải trả	316		-	22.249.467
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	19.365.207.459	16.803.587.297
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		276.837.389	190.197.513
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.602.972.633	1.231.853.173
II. Nợ dài hạn	330		180.613.206.551	990.262.442
3. Phải trả dài hạn khác	333	21	178.424.228.068	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		652.925.225	490.262.442
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.050.000.000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		486.053.258	500.000.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.885.636.005	64.731.115.083
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	67.885.636.005	64.731.115.083
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		38.000.000.000	38.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.798.426.800	1.798.426.800
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(81.044.280)	(78.262.200)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.441.501	153.345.069
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.207.442.570	9.665.191.650
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.582.667.232	6.417.415.087
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.374.702.182	8.774.998.677
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	30.422.216.713	27.650.848.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		375.317.987.227	201.779.056.633

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ			928,00	114.007,03
- Euro			329,04	228,10

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
				VND	VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	215.611.885.825	208.993.436.868
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	24	-	102.786.234
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	215.611.885.825	208.890.650.634
4.	Giá vốn hàng bán	11	25	187.949.844.578	176.613.840.772
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.662.041.247	32.276.809.862
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.916.028.772	1.904.897.316
7.	Chi phí tài chính	22	27	3.189.554.497	2.153.635.314
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.109.896.563</i>	<i>1.936.987.885</i>
8.	Chi phí bán hàng	24		2.737.733.827	1.105.483.695
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.749.503.886	10.471.689.921
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.901.277.809	20.450.898.248
11.	Thu nhập khác	31		112.523.241	1.442.740.766
12.	Chi phí khác	32		371.643	927.041.939
13.	Lợi nhuận khác	40		112.151.598	515.698.827
14.	Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết liên doanh	45		(22.861.065)	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.990.568.342	20.966.597.075
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.770.999.113	2.751.525.644
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	28	(151.056.772)	(103.883.841)
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.370.626.001	18.318.955.272
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	29	5.910.776.913	8.265.488.230
18.2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		9.459.849.088	10.053.467.042
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.389	3.105

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		229.057.937.190	259.632.351.827
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(201.108.208.762)	(207.678.265.539)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(19.393.965.106)	(18.264.734.348)
Tiền chi trả lãi vay	4		(3.132.146.030)	(1.914.738.418)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(979.110.639)	(3.328.472.884)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		103.762.049.645	18.919.302.700
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(113.723.259.183)	(17.043.848.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(5.516.702.885)	30.321.594.553
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.007.824.304)	(10.401.483.635)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	394.250.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(25.080.500.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		220.000.000	24.360.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.594.000.000)	(552.789.066)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.797.537.055	1.293.503.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.084.287.249)	(9.986.519.102)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.849.373.300
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(165.989.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.680.180.583	22.354.840.502
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27.622.540.518)	(24.803.723.538)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.469.067.784)	(7.161.272.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.588.572.281	(4.926.771.426)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(23.012.417.853)	15.408.304.025
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26.540.875.279	11.126.688.630
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.819.388	5.882.624
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7	3.538.276.814	26.540.875.279

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (“Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Sản xuất thiết bị xây dựng thuộc Công ty Kinh doanh vật tư và xây dựng là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội. Công ty được chuyển đổi (Cổ phần hoá) từ doanh nghiệp Nhà Nước theo quyết định số 601/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 25/05/1999.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056646 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/10/1999, tên đăng ký ban đầu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp. Ngày 18/06/2008, Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 7, đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp.

Trụ sở chính: Đường Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 38.000.000.000 đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm 2011, bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh máy và thiết bị công nghiệp;
- Chuyển giao công nghệ mới trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông các loại;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt kết cấu thép, nhà xưởng;
- Thiết kế chuyển giao công nghệ trong ngành máy và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi;
- Lắp đặt máy và thiết bị công nghiệp;
- Kinh doanh hạ tầng khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, nhà ở, văn phòng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe du lịch;
- Kinh doanh trung tâm thể thao, dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar)/.

2. Danh sách các công ty được hợp nhất

	Công ty	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2011 (%)	Trụ sở
1	<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1</i>	30.000	54%	Lô đất 22 + 23 khu Công nghiệp Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
2	<i>Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa</i>	3.000	51%	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty có 1 công ty liên kết là Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-E&C với tỷ lệ sở hữu là 22% tại ngày 31/12/2011.

4. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

5. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**5.1. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được lập theo Hệ thống kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2009.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm:

- 1 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1
- 2 Công ty Cổ phần Thương mại Kim Hoa

Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE được hợp nhất trên cơ sở số liệu trên Báo cáo tài chính của các đơn vị đã được kiểm toán. Các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư giữa Công ty và các công ty con được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Giá trị khoản mục đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Các Chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

6.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

6.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

6.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6.4. Lập dự phòng

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6.5. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
- Thiết bị quản lý	02 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.6. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình bao gồm: bản quyền, bằng sáng chế; và khoản chi phí đền bù, san lấp mặt bằng tại Khu Công nghiệp Quang Minh.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng (năm)
Bản quyền, bằng sáng chế	05
Tài sản cố định vô hình khác	05

6.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

6.8. Ghi nhận doanh thu, giá vốn

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

6.9. Chi phí đi vay

Các khoản vay của công ty trong năm gồm các khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

6.10. Chênh lệch tỷ giá

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá thực tế hoặc theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, trừ trường hợp có quy định khác. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền và các khoản công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 “Hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6.11. Thuế

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế TNDN hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%. Năm 2011, Tổng Công ty thuộc diện được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2011 theo Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4/11/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	122.472.317	588.379.719
Tiền gửi ngân hàng	1.715.804.497	7.452.495.560
Các khoản tương đương tiền	1.700.000.000	18.500.000.000
	3.538.276.814	26.540.875.279

8. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu người lao động	175.303.090	43.204.677
Cổ tức công ty CP cơ điện HN	384.000.000	320.000.000
Cổ tức Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	23.344.521	14.835.616
Thuế GTGT được khấu trừ chưa kê khai	-	12.180.070
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.073.973	79.303.086
Các khoản phải thu khác	249.060.629	246.750.000
	846.782.213	716.273.449

9. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

Đây là khoản trích lập dự phòng liên quan đến các khoản công nợ phải thu quá hạn của Công ty tại 31/12/2011.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.803.153.313	11.549.892.595
Công cụ, dụng cụ	-	2.467.035
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.133.794.434	46.034.683.109
Hàng hoá	36.363.636	112.859.261
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	49.973.311.383	57.699.902.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(49.409.000)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	49.923.902.383	57.699.902.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	159.221.150	197.535.223
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	454.468.240	500.703.000
	613.689.390	698.238.223

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

Trong đó, khoản phải thu Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp (IMI) là 8.395.543.611 đồng. Theo Biên bản làm việc giữa Công ty và Viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp (“Viện máy”), hai bên đã thống nhất sẽ chuyển khoản công nợ trên thành vốn khi Viện cổ phần hóa. Đến thời điểm lập báo cáo này, Viện máy vẫn đang trong quá trình chuyển đổi sang Công ty Cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Tổng cộng
	vật kiến trúc	thiết bị	vận tải	dụng cụ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2010	14.699.982.041	4.956.713.249	1.978.865.632	3.300.242.457	24.935.803.379
- Mua trong năm	-	587.593.200	-	154.389.455	741.982.655
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	15.239.802.372	-	-	-	15.239.802.372
- Thanh lý, nhượng bán	(2.091.391.157)	-	-	-	(2.091.391.157)
Tại 31/12/2010	27.848.393.256	5.544.306.449	1.978.865.632	3.454.631.912	38.826.197.249
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2010	(11.288.451.657)	(3.322.054.430)	(878.658.947)	(1.292.497.649)	(16.781.662.683)
- Khấu hao trong năm	(1.827.324.920)	(701.149.514)	(314.214.528)	(542.152.647)	(3.384.841.609)
- Thanh lý, nhượng bán	2.091.391.157	-	-	-	2.091.391.157
Tại 31/12/2010	(11.024.385.420)	(4.023.203.944)	(1.192.873.475)	(1.834.650.296)	(18.075.113.135)
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại 01/01/2010	3.411.530.384	1.634.658.819	1.100.206.685	2.007.744.808	8.154.140.696
Tại 31/12/2010	16.824.007.836	1.521.102.505	785.992.157	1.619.981.616	20.751.084.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Tại 01/01/2011	700.000.000	2.698.068.098	3.398.068.098
Tăng trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2011	700.000.000	2.698.068.098	3.398.068.098
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2011	(700.000.000)	(2.518.208.000)	(3.218.208.000)
Trích khấu hao trong năm		(179.860.098)	(179.860.098)
Tại 31/12/2011	(700.000.000)	(2.698.068.098)	(3.398.068.098)
Giá trị còn lại TSCĐ vô hình			
Tại 01/01/2011	-	179.860.098	179.860.098
Tại 31/12/2011	-	-	-

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	196.633.531.076	4.056.221.274
Trong đó:		
+ Dự án nhà chung cư Nhân Chính - Thanh Xuân	196.633.531.076	3.541.603.093
+ Xây dựng nhà xưởng	-	514.618.181

16. Đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	10.897.138.935	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-E&C (*)	10.897.138.935	-
Đầu tư dài hạn khác	15.066.108.000	12.392.108.000
- Công ty CP Thiết bị lạnh kỹ thuật số	2.924.000.000	250.000.000
- Công ty CP CN môi trường	375.000.000	375.000.000
- Công ty CP Máy và thiết bị CN 1 - 5	1.350.468.000	1.350.468.000
- Công ty CP Đầu tư và Tư vấn XD IMI	12.500.000	12.500.000
- Công ty CP 3B	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn & PT phần mềm	40.000.000	40.000.000
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	8.160.000.000	8.160.000.000
- Công ty Kinh doanh vật tư và Xây dựng	352.500.000	352.500.000
- Công ty Điện tử Công nghiệp	802.500.000	802.500.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển CCV	49.140.000	49.140.000
	25.963.246.935	12.392.108.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn khác (tiếp)

(*) Trong đó, công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Công ty	31/12/2011		
	Tỷ lệ sở hữu vốn	Giá gốc	Hợp nhất theo phương pháp VCSH
		VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà CIE-CMC-E&C	22%	10.920.000.000	10.897.138.935
		10.920.000.000	10.897.138.935

17. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí máy CCDC lâu bền	56.252.873	29.006.327
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	149.499.222	237.849.074
Chi phí trả trước tiền thuê cơ sở hạ tầng khu Công nghiệp Quang Minh	4.673.796.820	4.340.465.620
	4.879.548.915	4.607.321.021

18. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	21.737.159.851	11.051.513.636
<i>Ngân hàng Công thương Đống Đa</i>	<i>20.953.159.851</i>	<i>9.447.203.379</i>
<i>Vay các cá nhân</i>	<i>784.000.000</i>	<i>1.604.310.257</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.628.006.150
<i>Ngân hàng Công thương Đống Đa</i>	<i>-</i>	<i>1.628.006.150</i>
	21.737.159.851	12.679.519.786

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	342.959.710	-
Thuế xuất, nhập khẩu	10.573.694	33.685.707
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.553.787.647	1.847.610.774
Thuế thu nhập cá nhân	147.211.147	266.177.596
	3.054.532.198	2.147.474.077

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	205.917.603	-
Bảo hiểm xã hội	1.250.732	7.355.265
Bảo hiểm y tế	-	926.370
Bảo hiểm thất nghiệp	-	411.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.158.039.124	16.794.893.942
- <i>Góp vốn Đầu tư Dự án Nhân Chính (*)</i>	<i>12.632.500.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
- <i>Lương Hội đồng quản trị</i>	<i>-</i>	<i>412.440.000</i>
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>4.698.377.000</i>	<i>4.070.144.000</i>
- <i>Công ty TNHH MTV 36.55</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>
- <i>Góp vốn thành lập Công ty CCV</i>	<i>-</i>	<i>7.360.000.000</i>
- <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>1.527.162.124</i>	<i>952.309.942</i>
	19.365.207.459	16.803.587.297

(*): Là khoản nhận vốn góp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - E&C theo hợp đồng hợp tác liên doanh giữa Công ty với Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - E&C để đầu tư Dự án xây dựng khu chung cư Nhân Chính - Thanh Xuân.

21. Các khoản phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CIE – CMC – Vinaconex E&C theo hợp đồng hợp tác đầu tư giữa liên doanh gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp (CIE), Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex - E&C và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển CIE – CMC – Vinaconex E&C để đầu tư Dự án xây dựng khu chung cư Nhân Chính - Thanh Xuân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2010	26.939.000.000	4.007.126.800	(18.868.140)	108.921.075	8.250.638.726	5.861.774.931	8.896.015.261	54.044.608.653
- Tăng vốn trong năm	11.061.000.000	-	-	-	-	-	-	11.061.000.000
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.053.467.042	10.053.467.042
- Trích quỹ, phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	6.013.233.344	1.030.877.803	(8.444.111.147)	(1.400.000.000)
- Tăng do hợp nhất	-	-	-	44.100.356	-	-	3.637.539.463	3.681.639.819
- Tăng khác	-	-	-	21.459.466	-	-	-	21.459.466
- Giảm do hợp nhất	-	-	(59.394.060)	-	(2.766.530.420)	(475.237.647)	-	(3.301.162.127)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(4.849.020.000)	(4.849.020.000)
- Giảm khác	-	(2.208.700.000)	-	(21.135.828)	(1.832.150.000)	-	(518.891.942)	(4.580.877.770)
Tại 31/12/2010	38.000.000.000	1.798.426.800	(78.262.200)	153.345.069	9.665.191.650	6.417.415.087	8.774.998.677	64.731.115.083
Tại 01/01/2011	38.000.000.000	1.798.426.800	(78.262.200)	153.345.069	9.665.191.650	6.417.415.087	8.774.998.677	64.731.115.083
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	9.459.849.088	9.459.849.088
- Trích quỹ, phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	1.004.413.568	4.010.298.324	(6.314.711.892)	(1.300.000.000)
- Tăng do hợp nhất	-	-	2.369.920	164.714.059	-	-	9.502.046.183	9.669.130.162
- Tăng khác	-	-	-	21.500.635	-	-	1.753.334.670	1.774.835.305
- Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(5.152.000)	-	-	-	-	(5.152.000)
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	(462.162.648)	(1.845.046.179)	-	(2.307.208.827)
- Giảm khác	-	-	-	(336.118.262)	-	-	(8.100.814.544)	(8.436.932.806)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Tại 31/12/2011	38.000.000.000	1.798.426.800	(81.044.280)	3.441.501	10.207.442.570	8.582.667.232	9.374.702.182	67.885.636.005

(*): Là khoản tạm trích các quỹ và tạm chia cổ tức năm 2011 nhưng chưa được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

22b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	1.445.660.000	1.445.660.000
Vốn góp của các đối tượng khác	36.554.340.000	36.554.340.000
	38.000.000.000	38.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp + <i>Cổ phiếu thường</i>	3.800.000	3.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu thường</i>	3.800.000	3.800.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

22d. Các giao dịch về vốn và các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	26.939.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	11.061.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	38.000.000.000	38.000.000.000

23. Lợi ích của cổ đông thiểu số

	Tại 31/12/2011	
	Vốn đầu tư	Lợi ích của
	Cổ đông thiểu số	Cổ đông thiểu số
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	13.800.000.000	28.861.131.325
Công ty Cổ phần Kim Hoa	1.470.000.000	1.561.085.388
	15.270.000.000	30.422.216.713

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.611.885.825	208.993.436.868
Trong đó:		
+ Doanh thu bán thành phẩm, hàng hoá	212.750.758.786	201.679.479.132
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.822.858.210	1.108.147.624
+ Doanh thu bán vật tư	-	27.900.000
+ Doanh thu kinh doanh uỷ thác	1.038.268.829	4.538.639.977
+ Doanh thu khác	-	1.639.270.135
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(102.786.234)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.611.885.825	208.890.650.634

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	185.264.103.744	170.265.610.501
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.638.220.330	673.814.748
Giá vốn bán vật tư	-	27.363.637
Giá vốn kinh doanh uỷ thác	1.047.520.504	4.551.745.187
Giá vốn kinh doanh khác	-	1.095.306.699
Cộng	187.949.844.578	176.613.840.772

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.955.615.627	980.310.042
Cổ tức, lợi nhuận được chia	927.829.806	669.101.616
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	23.742.219	255.485.658
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.841.120	-
Cộng	3.916.028.772	1.904.897.316

27. Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.109.896.563	1.936.987.885
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	79.657.934	216.647.429
Cộng	3.189.554.497	2.153.635.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(151.056.772)	(103.883.841)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(151.056.772)	(103.883.841)

29. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE 1	5.859.052.914	8.109.098.903
Công ty Cổ phần Kim Hoa	51.723.999	156.389.327
	5.910.776.913	8.265.488.230

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.459.849.088	10.053.467.042
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(383.157.931)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu	9.076.691.157	10.053.467.042
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	3.800.000	3.238.160
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.389	3.105

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Dương Thị Hà Bích

Hoàng Việt Hồng